

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày: 13-01-2020
*“V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI,
TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phường;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Vững;

2. Ông Đào Văn Hiến;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Jét - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 25 tháng 12 năm 2019 và ngày 13 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 615/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 260/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Huỳnh Văn B**, sinh năm 1970;

(Chủ hộ kinh doanh H)

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp. Theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2019.

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn B2**, sinh năm 1964;

Bà **Phan Thị V**, sinh năm 1961;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã M, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, ý kiến tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Văn M là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Huỳnh Văn B trình bày:*

Anh B là chủ hộ kinh doanh H, vào ngày 24/9/2016 anh B có hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản cho ông B2 và bà V. Hai bên thỏa thuận khi nào ông B2 và bà V cần thức ăn loại gì thì thông báo cho bên anh B, bên anh B trả lời có thì anh B sẽ cho người chở vào giao cho ông B2, bà V và anh B có nghĩa vụ phải giao đầy đủ thức ăn theo nhu cầu của ông B2 và bà V cho đến khi ông B2 và bà V bán cá (gọi là lên hầm), còn ông B2 và bà V sau khi bán cá thì phải thanh toán dứt điểm tiền mua thức ăn cho anh B. Sau khi ký hợp đồng anh B đã giao đầy đủ thức ăn theo yêu cầu của ông B2 và bà V. Đến ngày 01/12/2017, hai bên có ngòi lại chốt công nợ thì ông B2 và bà V còn nợ anh B với tổng số tiền là 560.000.000 đồng. Thời hạn trả từ ngày 01/12/2017 đến ngày 01/12/2018 là phải trả dứt số nợ trên. Sau khi chốt nợ thì phía ông B2 và bà V có trả cho anh B được 60.000.000 đồng, nay anh B thống nhất trừ số tiền này vào số tiền yêu cầu.

Theo đơn khởi kiện, anh B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B2 và bà V liên đới trả số tiền mua bán thức ăn còn thiếu là 560.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 12/2017 thành tiền là 560.000.000 đồng x 1%/tháng x 19 tháng = 106.400.000 đồng; Tổng cộng vốn và lãi là 666.400.000 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án. Tại phiên hòa giải, phía anh B thay đổi yêu cầu là nay anh B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B2 và bà V liên đới trả số tiền mua thức ăn còn thiếu là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 12/2017 thành tiền là 500.000.000 đồng x 1%/tháng x 19 tháng = 95.000.000 đồng; Tổng cộng vốn và lãi là 595.000.000 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm, phía anh B thay đổi yêu cầu là nay anh B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B2 và bà V liên đới trả số tiền mua bán thức ăn còn thiếu là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/12/2018 đến ngày 13/01/2020 thành tiền là 500.000.000 đồng x 1%/tháng x 13 tháng 11 ngày = 66.833.000 đồng; Tổng cộng: 566.833.000 đồng.

Đồng thời, anh B xác định ngoài các chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án thì anh B không còn chứng cứ gì khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ gì thêm hoặc đưa thêm người khác vào tham gia tố tụng. Ngoài ra, anh B không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Theo ý kiến tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Huỳnh Văn B2 và bà Phan Thị V cùng trình bày:*

Ông B2 và bà V thống nhất với toàn bộ lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của anh B. Ông B2 và bà V thừa nhận chữ ký và chữ viết ghi họ và tên trong tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là của ông B2 và bà V. Ông B2 và bà V thừa nhận hai bên có chốt công nợ, ông B2 và bà V còn nợ anh B số tiền vốn 560.000.000 đồng và đây là khoản nợ chung của ông B2 và bà V. Trong năm 2018 (không nhớ ngày, tháng), ông B2 và bà V có trả cho anh B 03 lần với tổng số tiền là 60.000.000 đồng và tính đến nay ông B2 và bà V còn nợ anh B số tiền vốn là 500.000.000 đồng. Nay ông B2 và bà V đồng ý liên đới trả số tiền nợ vốn là 500.000.000 đồng với điều

kiện là anh B cam kết không buộc ông B2 và bà V trả 01 lần, mỗi năm khi ông B2 và bà V bán hằm cá không biết lời lỗ thế nào sẽ trả cho anh B 20.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Đối với yêu cầu trả lãi thì ông B2 và bà V không đồng ý trả theo yêu cầu của anh B. Đồng thời, ông B2 và bà V xác định ngoài lời trình bày cho Tòa án thì ông B2 và bà V không còn chứng cứ gì khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ gì thêm hoặc đưa thêm người khác vào tham gia tố tụng. Ngoài ra, ông B2 và bà V không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:
 - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản photo);
 - + Hợp đồng mua bán thức ăn ghi ngày 24/9/2016 (photo);
 - + Giấy ký nhận nợ ghi ngày 01/12/2017 (bản photo);
 - + Giấy CMND và sổ hộ khẩu (bản photo);
 - + 01 quyển tập học sinh ghi quá trình mua bán (bản chính);
 - + Giấy ủy quyền.
- Bị đơn không có nộp tài liệu chứng cứ gì.

Các tài liệu trong hồ sơ đã được công khai theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 21 tháng 11 năm 2019.

** Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất:* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và số tiền nợ vốn.

** Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Bị đơn chỉ đồng ý trả vốn với điều kiện mỗi năm trả 20.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong và không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn, còn nguyên đơn thì không đồng ý với yêu cầu trên của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B2 và bà V liên đới trả số tiền mua bán thức ăn còn thiếu là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/12/2018 đến ngày 13/01/2020 thành tiền là 500.000.000 đồng x 1%/tháng x 13 tháng 11 ngày = 66.833.000 đồng; Tổng cộng: 566.833.000 đồng. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp B, xã M, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

- Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2019/QĐST-DS ngày 25/12/2019 của Tòa án thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Mai Văn Thanh và ông Lê Văn Vững. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do ông Thanh bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa thay thế bằng ông Đào Văn Hiến là Hội thẩm nhân dân dự khuyết. Đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Theo Công văn số 821/CV-TA ngày 03/12/2019 của Tòa án về việc đề nghị Viện kiểm sát tham gia vụ án dân sự với lý do bị đơn có tham gia trình bày ý kiến, yêu cầu của mình nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản hòa giải và đề việc giải quyết vụ án khách quan nên Tòa án đề nghị Viện kiểm sát tham gia. Ngày 24/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười có Công văn số 28/VKS-TB ngày 24/12/2019 về việc không tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm với lý do vụ án này không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc Viện kiểm sát không tham gia vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Huỳnh Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn B2 và bà Phan Thị V liên đới trả số tiền mua bán thức ăn còn thiếu là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/12/2018 đến ngày 13/01/2020 thành tiền là 500.000.000 đồng x 1%/tháng x 13 tháng 11 ngày = 66.833.000 đồng; Tổng cộng: 566.833.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo nguyên đơn trình bày vào ngày 24/9/2016 thì giữa anh B với ông B2 và bà V có ký hợp đồng (bằng giấy tay không có công chứng, chứng thực) thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi cá với nhau. Hai bên thỏa thuận khi nào bị đơn cần thức ăn loại gì thì thông báo cho bên nguyên đơn, bên nguyên đơn trả lời có thì nguyên đơn sẽ cho người chở vào giao cho bị đơn, đồng thời nguyên đơn có nghĩa vụ phải giao đầy đủ thức ăn theo nhu cầu của bị đơn cho đến khi bị đơn bán cá (gọi là lên hầm), còn bị đơn sau khi bán cá thì phải thanh toán dứt điểm tiền mua thức ăn cho nguyên đơn. Sau khi ký hợp đồng nguyên đơn đã giao đầy đủ thức ăn theo yêu cầu của bị đơn. Đến ngày 01/12/2017, hai bên có ngòai lại chốt công nợ thì bị đơn còn nợ nguyên đơn với tổng số tiền là 560.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả từ ngày 01/12/2017 đến ngày 01/12/2018 là phải trả dứt số nợ trên. Sau khi chốt nợ thì phía bị đơn có trả cho nguyên đơn được 60.000.000 đồng, còn nợ lại 500.000.000 tính đến nay vẫn chưa trả. Theo bị đơn trình bày thống nhất với toàn bộ lời trình bày đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, thừa nhận chữ ký và chữ viết trong các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là của bị đơn. Đồng thời, bị đơn thừa nhận tính đến nay còn nợ tiền mua thức ăn nuôi cá của nguyên đơn là 500.000.000 đồng và xác nhận đây là khoản nợ chung của vợ chồng bị đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là những tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định tính đến nay bị đơn còn nợ tiền mua thức ăn nuôi cá của nguyên đơn là 500.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi từ ngày 02/12/2018 đến ngày 13/01/2020 và mức lãi suất là 1%/tháng. Theo “Hợp đồng mua bán thức ăn ghi ngày 24/9/2016” thể hiện hai bên có thỏa thuận trong trường hợp bị đơn không trả đủ tiền thì số tiền còn nợ lại tính lãi suất là 3%/tháng. Đến ngày 01/12/2017, hai bên ngồi chốt công nợ và thỏa thuận lại theo “Giấy ký nhận nợ ghi ngày 01/12/2017” thể hiện thời gian trả nợ là 01 năm (Tính từ ngày 01/12/2017 đến ngày 01/12/2018) và lãi suất là 1%/tháng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng mua bán giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất và mức lãi suất là 1%/tháng. Căn cứ vào Điều 357, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự thì yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 1%/tháng, tính từ ngày 02/12/2018 của nguyên đơn là phù hợp và có cơ sở.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của bị đơn là ông Huỳnh Văn B2 và bà Phan Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết là đồng ý cùng liên đới trả lại cho nguyên đơn số tiền nợ trên nhưng với điều kiện là nguyên đơn phải cam kết không buộc bị đơn trả 01 lần, mỗi năm khi bị đơn xuất bán hàm cá không biết lời lỗ thế nào sẽ trả cho nguyên đơn 20.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Đối với yêu cầu trả lãi thì bị đơn không đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm, mặc dù Hội đồng xét xử đã giải thích các quy định của pháp luật liên quan đến vấn đề này cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu trên. Xét yêu cầu trên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền và nguyên đơn cũng không đồng ý với yêu cầu này của bị đơn. Đồng thời, như phân tích phần trên do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên đối với phần trình bày không đồng ý trả lãi của bị đơn là không có cơ sở.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu của bị đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Tại phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm thì đương sự xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Huỳnh Văn B2 và bà Phan Thị V phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh Huỳnh Văn B số tiền nợ vốn mua thức ăn nuôi cá là 500.000.000 đồng và tiền lãi 66.833.000 đồng; Tổng cộng: 566.833.000 đồng.

[8] Về án phí:

- Ông B2 và bà V phải liên đới chịu 26.673.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Anh B không phải chịu tiền án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn B. Buộc ông Huỳnh Văn B2 và bà Phan Thị V phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh Huỳnh Văn B số tiền nợ vốn mua thức ăn nuôi cá là 500.000.000 đồng và tiền lãi 66.833.000 đồng; Tổng cộng: 566.833.000 đồng (Năm trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Anh Huỳnh Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 13.984.000 đồng (Mười ba triệu, chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng) và 1.680.000 đồng (Một triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh B đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0002735, ngày 17/9/2019 và số 0006819, ngày 04/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Huỳnh Văn B2 và bà Phan Thị V phải liên đới chịu 26.673.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKS huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Jet).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Minh Phường

